

Số: 74/2021/QĐST- DS

Đắk Hà, ngày 12 tháng 8 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 123/2021/TLST- DS, ngày 25 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam (tên viết tắt: BIDV). Địa chỉ: Tháp BIDV, Số 35 Hàng Vôi, Phường T, Quận K, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tiêu Quang T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch H (Giấy ủy quyền số: 640/UQ-BIDV.KT ngày 02/6/2021 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam- Chi nhánh T). Địa chỉ: Số 01A, đường Trần Phú, phường Th, thành phố K, tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã M, huyện H, tỉnh T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Thanh B, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã M, huyện H, tỉnh T.

+ Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã M, huyện H, tỉnh T.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Quyết Thắng, xã M, huyện H, tỉnh T.

+ Anh Lê Trung D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà 359, Phan Đình Phùng, Thành phố K, tỉnh T. Anh D cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 4314, quyền số 07/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/7/2021 của Phòng công chứng số 1 tỉnh T và Giấy ủy quyền số chứng thực 07/2021, quyền số 01-SCT/CK/, ĐC ngày 09/7/2021 của UBND xã Nh, huyện T, tỉnh Ph).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền phải thanh toán:

Bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/8/2021 là: 798.964.447 đồng (*Bảy trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm bốn bảy đồng*). Trong đó: Nợ tiền gốc: 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*); Nợ tiền lãi: 158.964.447 đồng (*Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn bốn trăm bốn bảy đồng*), [nợ lãi trong hạn: 117.710.338 đồng (*Một trăm mười bảy triệu bảy trăm mười ngàn ba trăm ba tám đồng*), nợ lãi quá hạn: 41.254.110 đồng (*Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi tư ngàn một trăm mười đồng*)].

Lãi suất phát sinh sẽ tiếp tục được tính kể từ ngày 05/8/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/12533720/HĐTD ngày 06/06/2019 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B trả hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B (bên phải thi hành án) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam với ông Lê Thanh B, bà Lê Thị Th cùng các con anh Lê Mạnh H và anh Lê Trung D và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà. Tài sản thế chấp gồm có:

- Quyền sử dụng đất diện tích 12.809m² (*Mười hai ngàn tám trăm lẻ chín mét vuông*) tại Thửa đất số 13; tờ bản đồ số: 02. Địa chỉ thửa đất: Thôn 2, xã M, huyện H, tỉnh T. Đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T 849213 ngày 16/11/2001 mang tên người sử dụng đất hộ ông (bà) Lê Thanh B.

Tài sản gắn liền với đất: Vườn cây lâu năm, loại cây cà phê vối trồng năm 1998.

Tài sản trên đất phát sinh sau khi thế chấp quyền sử dụng đất: Một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ (nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước) có tổng diện tích sàn 108,8m² do vợ chồng anh Lê Mạnh H và chị Nguyễn Thị M xây

dụng, các đương sự đồng ý phát mãi và không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản phát sinh này.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích: 7.239 m² (*Bảy ngàn hai trăm ba mươi chín mét vuông*) đất nông nghiệp tại Thửa đất số: 14; tờ bản đồ số: 02. Địa chỉ thửa đất: Thôn Quyết Thắng, xã M, huyện H, tỉnh T. Đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 238133 ngày 14/5/2010 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Lê Thanh B và bà Lê Thị Th.

Tài sản gắn liền với đất: Vườn cây lâu năm, loại cây cà phê với trồng năm 1998 và trồng thêm năm 2019.

Trường hợp sau khi kê biên xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán hết khoản nợ vay và các chi phí khác (nếu có) thì bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

2. Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 155, Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.800.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 6.800.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm ngàn đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do hòa giải thành nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định của số tiền phải thanh toán, tính được là 17.979.289 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm tám chín đồng*). Số tiền này bà Lê Thị Th và ông Lê Thanh B thỏa thuận chịu toàn bộ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 17.614.436 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm mười bốn ngàn bốn trăm ba sáu đồng*) đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0005327 ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại ĐN;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh